

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HSPT

Ngày: 29/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 199/2023/HSPT ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Kh và đồng bọn; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án HSST số 39/2023/HSST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu Kh; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/10/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 5, xã ET, huyện C9, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái B9, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị H9, sinh năm 1958; Vợ Nguyễn Thị Th9, sinh năm 1989; Bị cáo chưa có con.

- Tiền án: Tại bản án số 188/2021/HSPT, ngày 18/8/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Ngày 24/11/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 294/2014/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến 30/3/2023; tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/5/2023 tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 10/5/2023 đến ngày 19/7/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2023 cho đến nay. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ L; Tên gọi khác: Cò L, sinh ngày 18/6/1988, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: TDP 6, phường T9, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Tr3 L9, sinh năm 1952 và bà Đinh Thị M9, sinh năm 1959; Vợ Trần Thị Bảo D9, sinh năm 1991; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không;

-Về nhân thân: Ngày 01/02/2013, bị Công an phường Đ9, thị xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi “*đánh nhau*”. Bị cáo đã nộp phạt theo quy định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến 30/3/2023; tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến ngày 28/4/2023 tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 29/4/2023 đến ngày 19/7/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2023 cho đến nay. Hôm nay có mặt tại phiên toà.

3. Trịnh Văn L1; tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/3/1978, Tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: TDP 6, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn K9 (đã chết); và bà Nguyễn Thị L8 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị H8, sinh năm 1984; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: Không;

-Về nhân thân: Ngày 23/4/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 30.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*” tại Bản án 131/2021/HSST ngày 23/4/2021. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến 30/3/2023, tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến ngày 29/4/2023 tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 30/4/2023 đến ngày 19/7/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2023 cho đến nay. Hôm nay có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Thị T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 27/10/1975. Tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn 6, xã EH, huyện K9, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: TDP 4, phường AB, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang M8, sinh năm 1948; và bà Lê Thị Ng8 (đã chết); Chồng Nguyễn Văn Th8, sinh năm 1968; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

- Tiền án, tiền sự: Không;

-Về nhân thân: Ngày 09/01/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “*Đánh bạc*” tại bản án số 13/2013/HSPT; Ngày 26/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 03 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” tại Bản án số 23/2013/HSST; Ngày 06/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xử phạt 09 tháng tù, phạt bổ sung 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) về tội “*Đánh*

bạc” quy định tại Điều 321 BLHS 2015 tại Bản án số 30/2019/HSPT; bị cáo đã chấp hành tất cả các hình phạt và được xóa án tích theo quy định của pháp luật. Ngày 08/7/2023 bị Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến 30/3/2023, tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/5/2023 tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 10/5/2023 đến ngày 28/6/2023, Ngày 29/6/2023 phạm tội đánh bạc tại thành phố B, ngày 08/7/2023 bị Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố bị can và ra lệnh Tạm giam về tội Đánh bạc, hiện bị cáo đang bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh theo Quyết định về việc bảo lãnh số 19 ngày 21/8/2023 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Tr3 Th1; tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/3/1990, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: TDP 2, phường ĐH, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L7, sinh năm 1967 và bà Vũ Thị L7, sinh năm 1969; Vợ Nguyễn Thị Ng7, sinh năm 1999; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022.

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Về nhân thân: Tại Bản án số 271/2009/HSST ngày 24/9/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến 30/3/2023; tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/5/2023 tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 10/5/2023 đến ngày 19/7/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2023 cho đến nay. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/3/2023, Nguyễn Quốc Tr3 và Trịnh Văn L1 ngồi uống cà phê với nhau. Trong lúc ngồi uống cà phê Tr3 nói L1 gọi điện thoại cho Vũ L, để hỏi có ai đánh bài xì tố được thua bằng tiền không thì được L nói để hỏi rồi thông báo lại. Sau đó, L gọi điện thoại cho Võ Văn Th3 hỏi có đánh bạc không thì Th3 nói đang tưới nước trong rẫy cà phê của anh Hoàng Ngọc L3 (là cháu Th3) thuộc TDP T4, phường TN5, thị xã B và rủ mọi người vào rẫy đánh bạc. Sau đó L gọi điện báo cho L1 biết nơi đánh bạc là rẫy của cháu bị can Th3 ở TDP T4, phường TN5, thị xã B, đồng thời L cũng gọi điện cho Nguyễn Thị T rủ để đánh bạc thì được T đồng ý rồi T điều khiển xe mô tô biển số 47E1-xxxxx đi mua cơm, nước uống sau đó đến đón L để chở vào khu vực rẫy nơi Th3 đang tưới nước ở TDP T4, phường TN5, thị xã B. Sau đó, L1 gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu Kh, đến uống cà phê ở thành phố B cùng L1 và Kh rồi rủ đi đánh bạc thì

Kh đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Kh điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển số 47A – xxx.xx (xe này Kh mượn của chị Phạm Thị Kim Oanh) chở L1 và Tr3 đến tại chòi rẫy ở TDP T4, phường TN5, thị xã B, lúc này tất cả cùng ăn cơm, uống nước do T và L mang đến. Do chưa có ai chuẩn bị bài nên L gọi điện thoại cho Vũ Tr3 Th1, nhờ mua 02 bộ bài tú lơ khơ mang vào rẫy cho L thì Th1 đồng ý đi mua mang vào. Sau đó Th3, Kh, L, L1 ngồi vào ghế nhựa xung quanh một bàn tròn tại khu vực nhà bếp của chòi rẫy, rồi Th1 lấy ra 02 bộ bài Tú lơ khơ loại 52 lá ra để mọi người cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì tố được thua bằng tiền. Quá trình các bị cáo đánh bạc thì T không đánh thành một tụ riêng mà chỉ có tham gia đánh với một số tụ của 04 người chơi khi thích trong một số ván bài với số tiền từ 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) đến 500.000đ (*năm trăm ngàn đồng*). Kết thúc ván bài nếu tụ mà T theo thắng thì T sẽ được số tiền tương ứng với số tiền đánh cược đã bỏ ra, ngược lại nếu tụ mà T theo thua thì T mất hết số tiền cược đã bỏ ra, còn Tr3 góp chung với Kh để đánh bạc, thỏa thuận được thua theo tỷ lệ là Kh 90%, Tr3 10% số tiền nếu thắng hoặc thua.

Tất cả thống nhất cách đánh như sau: Hình thức đánh bài “xì tố” được thua bằng tiền là khi bắt đầu, mỗi tụ phải bỏ ra chiếu bạc ít nhất 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) gọi là tiền tẩy và dùng 24 lá bài Tú lơ khơ từ con bài số 9 đến con bài Át (A) để chơi; trong một ván bài theo quy ước người chơi phải đặt tiền cược lên trên chiếu bạc trước mặt mình ngồi chơi, sau đó một người chia bài cho những người cùng chơi, lá bài thứ nhất được chia ngửa lên, lá bài tiếp theo được chia úp xuống và chỉ có người chơi đó mới biết con bài gì (gọi là con bài tẩy), rồi người nào có con bài lớn nhất theo thứ tự được chia lần đầu có quyền đánh trước, rồi ngược theo kim đồng hồ người tiếp theo có quyền theo, không theo (không tham gia ván bài đó mà úp bài xuống) hoặc tố thêm tiền cược, cứ như thế cho đến khi bốc đủ 5 con bài trong đó có 1 con bài tẩy và không ai tố nữa thì lật ngửa con bài tẩy lên để xác định thắng thua, trường hợp còn một người chơi mà những người còn lại không chơi thì người chơi đó thắng cược và được ăn hết toàn bộ số tiền cược của ván bài. Theo quy ước người chơi nào có 05 con bài liên tiếp nhau theo thứ tự từ nhỏ đến lớn như từ con bài số 10 đến con A và Đồng hoa, gọi là “Thùng phá sảnh” thì người đó thắng cược; trong trường hợp nhiều người cùng có Thùng phá sảnh thì Thùng phá sảnh lớn, thắng Thùng phá sảnh nhỏ như: 10-J-Q-K-A thắng 9-10-J-Q-K...; trường hợp nhiều người cùng có Thùng phá sảnh lớn giống nhau thì phân biệt thắng thua theo chất của con bài từ Cơ rồi đến Rô, Chuồn, Bích... Trong trường hợp không có Thùng phá sảnh thì tính đến “Tứ quý”, nghĩa là người nào có 04 con bài cùng một số như 4 con bài số 10, 4 con bài số J...) thì người đó thắng cược, tương tự nhiều người cùng có Tứ quý thì Tứ quý lớn thắng Tứ quý nhỏ. Trường hợp không có “Thùng phá sảnh” và “Tứ quý” thì tính theo “Cù lũ”, nghĩa là trong 05 lá bài người nào có 03 lá bài cùng một số như 3 con bài J, 3 con bài Q...và 02 lá bài còn lại tạo thành một cặp cùng số như 2 con bài số 9, 2 con bài số 10...thì người đó thắng cược, trong trường hợp nhiều người có Cù lũ, thì Cù lũ lớn thắng Cù lũ bé. Trường hợp không có “Thùng phá sảnh”, “Tứ quý” và “Cù lũ” thì tính đến “Sảnh”, nghĩa là có 05 con bài tạo thành một dãy liên tiếp theo thứ tự từ con bài

nhỏ đến con bài lớn, như từ con bài số 9 đến con bài K không cần đồng hoa thì người đó thắng cược, trường hợp nhiều người chơi cùng có Sảnh, thì Sảnh lớn thắng Sảnh bé. Tiếp đến không có “Thùng phá sảnh”, “Tứ quý”, “Cù lũ” và “Sảnh” thì tính đến “Sám cô” nghĩa là trong 05 lá bài có 03 lá bài cùng số, như 3 con bài số 9, 3 con bài số 10...không tính 02 con bài còn lại thì người đó thắng cược, trường hợp có nhiều người cùng chơi có Sám cô, thì Sám cô lớn thắng Sám cô bé. Tiếp đến không có “Thùng phá sảnh”, “Tứ quý”, “Cù lũ”, “Sảnh” và “Sám cô” thì tính đến “Thú”, nghĩa là trong 05 lá bài có 02 cặp lá bài cùng loại như 2 con bài số 9 và 2 con bài số 10 thì người đó thắng cược, trường hợp nhiều người cùng có Thú, thì Thú lớn thắng Thú bé. Trường hợp không có “Thùng phá sảnh”, “Tứ quý”, “Cù lũ”, “Sảnh”, “Sám cô” và “Thú” thì tính đến “Đôi”, nghĩa là trong 05 lá bài có chứa một cặp con bài cùng số như 2 con bài K, 2 con bài A thì người đó thắng cược, trường hợp nhiều người cùng có Đôi bài số lớn, thì Đôi lớn thắng Đôi bài số bé và cuối cùng là tính đến “Mậu thầu”, nghĩa là người chơi có 5 lá bài liên kết với nhau theo thứ tự từ con bài số nhỏ đến con bài số lớn, không phân biệt đồng hoa, đồng chất, người nào có Mậu thầu lớn, thì thắng người có Mậu thầu bé.

Khi bắt đầu chơi, Th1 là người gom và đảo bài (*chia bài*) cho mọi người đánh bạc, được khoảng 30 phút Th1 đi ngủ và được L1 cho 100.000đ (*một trăm ngàn đồng*). Sau đó, Tr3 có đảo bài một số ván giúp mọi người đánh bạc.

Kết quả điều tra cho thấy, khi tham gia đánh bạc bị cáo Vũ L mang theo số tiền 17.600.000đ (*mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*) sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; bị cáo Trịnh Văn L1 mang theo số tiền 15.100.000đ (*mười lăm triệu một trăm ngàn đồng*) cho Th1 100.000đ, còn lại 15.000.000đ sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; bị cáo Nguyễn Hữu Kh mang theo số tiền 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*) sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; bị cáo Nguyễn Quốc Tr3 mang theo số tiền 8.800.000đ (*tám triệu, tám trăm ngàn đồng*) sử dụng 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) để góp chung với Kh cùng tham gia đánh bạc; bị can Võ Văn Th3 do không mang theo tiền nên khi bắt đầu đánh bạc đã mượn của T số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), do bị thua hết nên tiếp tục hỏi mượn thêm nhưng T không đồng ý, nên Th3 đã điện thoại hỏi mượn anh Nguyễn Tiến Vy 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), được Vy đồng ý nên Th3 đã nói chuyển vào số tài khoản 0943023177 của Nguyễn Thị T. Sau khi Vy chuyển 20.000.000đ vào tài khoản của mình, T đã lấy tiền mặt 20.000.000đ của mình đưa cho Th3 để Th3 tiếp tục đánh bạc; như vậy tổng số tiền Th3 sử dụng đánh bạc là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*); bị cáo Nguyễn Thị T mang theo số tiền 61.000.000đ (*sáu mươi một triệu đồng*), sử dụng 1.000.000đ (*một triệu đồng*) để đánh bạc, cho Th3 mượn 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), đưa cho Th3 20.000.000đ, còn lại 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Vũ Tr3 Th1 khi được L nhờ đi mua bài thì trong người có số tiền 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*), đã sử dụng 100.000đ (*một trăm ngàn đồng*) để mua bài, còn lại 500.000đ (*năm trăm ngàn đồng*) và khi gom, đảo bài (*chia bài*) được L1 cho 100.000đ, tất cả số tiền này Th1 không dùng vào mục đích đánh bạc.

Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, trong khi Th3, T, L, Kh, Tr3 và T đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài “xì tố” được thua bằng tiền thì bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã B phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, số tiền 65.700.000đ (*sáu mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng*), tiền xâu bên trong hộp nhựa là 5.900.000đ (*năm triệu chín trăm ngàn đồng*); thu giữ trên người Nguyễn Thị T số tiền 31.000.000đ (*ba mươi một triệu đồng*), Nguyễn Quốc Tr3 số tiền 2.200.000đ (*hai triệu hai trăm ngàn đồng*), Nguyễn Hữu Kh số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) và Vũ Tr3 Th1 số tiền 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HSST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1, Vũ L, Nguyễn Thị T và Vũ Tr3 Th1** phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Kh 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 09/5/2023).

- Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn L1 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 29/4/2023).

Xử phạt bị cáo **Vũ L 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 28/4/2023).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 09/5/2023).

Xử phạt bị cáo **Vũ Tr3 Th1 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 09/5/2023).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử đối với bị cáo Nguyễn Quốc Tr3, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30, ngày 31 tháng 10 và ngày 03 tháng 11 năm 2023, bị cáo Nguyễn Hữu Kh kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo Vũ L, Nguyễn Thị T, Vũ Tr3 Th1, Trịnh Văn L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ; bị cáo Trịnh Văn L1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 26/01/2024, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Tr3 Th1 xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Vũ L và Trịnh Văn L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, ngày 26/01/2024, bị cáo có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, vì vậy không xem xét giải quyết.

Đối với bị cáo Vũ Văn Th1, tại phiên tòa bị cáo đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, vì vậy cần áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Tr3 Th1

Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Kh và Trịnh Văn L1: Xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Kh và bị cáo L1, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự - không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HSST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo Kh và bị cáo L1.

Đối với bị cáo Vũ L: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm biên lai đóng tiền án phí sơ thẩm, xác nhận hoàn cảnh khó khăn, đây là các tình tiết mới; ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng thêm Điều 65 cho bị cáo L được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1, Vũ L, tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1, Vũ L, Nguyễn Quốc Tr3, Nguyễn Thị T và Vũ Tr3 Th1 đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài “xì tố” được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 102.700.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu, bảy trăm nghìn đồng). Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1, Vũ L, Nguyễn Thị T và Vũ Tr3 Th1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm: Trong vụ án các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1, Nguyễn Thị T, Vũ Tr3 Th1 đều có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử về hành vi vi phạm pháp luật và đã bị kết án; bị

cáo Nguyễn Hữu Kh có tiền án; bị cáo Vũ L chưa có tiền án tiền sự, nhân thân bị xử phạt hành chính về Hành vi “Đánh nhau”; về mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng khác nhau; Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tất cả các bị cáo với mức án 03 năm tù là không công bằng, không phân hóa tội phạm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, ngày 26/01/2024 bị cáo có đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định đình chỉ xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Vũ Tr3 Th1: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Tr3 Th1 xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định của điểm đ Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Kh và Trịnh Văn L1: Xét mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo Kh và L1; Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Kh và bị cáo L1, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới, vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kh và bị cáo L1.

Đối với bị cáo Vũ L: Bị cáo Vũ L chưa có tiền án tiền sự về tội đánh bạc, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và cung cấp thêm giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Xét thấy bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo L được hưởng án treo, cũng đủ giáo dục, rèn luyện bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời phân hóa được tội phạm đối với các bị cáo đã có Bản án xét xử về hành vi phạm tội khác với bị cáo chưa bị xét xử.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Kh và bị cáo Trịnh Văn L1 không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nên các bị cáo Kh và L1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Do bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Tr3 Th1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, bị cáo Vũ L được chấp nhận kháng cáo; nên các bị cáo T, Th1, L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 39/2023/HSST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo Kh và L1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 39/2023/HSST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ L.

Căn cứ Điều 348, điểm đ Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Tr3 Th1. và Nguyễn Thị T. Quyết định tại Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Th1 và bị cáo T có hiệu lực pháp luật.

2. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Kh** 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 09/5/2023).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn L1** 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 29/4/2023).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Vũ L** 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T9, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo, có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương, trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì được thực hiện theo định tại Điều 92, Điều 102 của pháp luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu Kh, Trịnh Văn L1 phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Vũ L, Nguyễn Thị T và Vũ Tr3 Th1 không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- VKSND thị xã Buôn Hồ ;
- Công an thị xã Buôn Hồ ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- T.H.A HS Công an thị xã Buôn Hồ ;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết